

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẨM GIÀNG  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HNGĐ -ST

Ngày: 18-6-2021.

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG, TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Vân Hà.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Dương Văn Ngạn và ông Nguyễn Quang Miên.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Mạnh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng tham gia phiên tòa:** Bà Tống Thị Ngọc Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 28/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2021/QĐST- HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2021 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 01/2021/TB-TA, ngày 27 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1986 (*có mặt*).

ĐKKH: Thôn T, thị trấn L, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: Thôn L, xã L, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

**2. Bị đơn:** Anh Lưu Văn G, sinh năm 1979 (*vắng mặt*).

ĐKKH và nơi cư trú: Thôn T, thị trấn L, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện; bản tự khai; biên bản lấy lời khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:* Chị và anh Lưu Văn G được tự do tìm hiểu, sau đó gia đình hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương vào ngày 12/5/2007. Đến ngày 07/01/2008 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Ngay sau ngày cưới được vài hôm thì anh chị đã không có hạnh phúc. Nguyên nhân là do bất đồng trong tính cách, quan điểm sống, không tôn trọng nhau. Bản thân anh G là người gia trưởng có tính vũ phu, mọi công việc trong gia đình đều phó mặc cho chị tự lo toan gánh vác, hơn nữa anh luôn nghi ngờ chị có quan hệ tình cảm với người khác không muốn cho chị gặp bạn bè, nhiều lần chị giải thích nhưng anh không nghe dẫn đến anh chị xảy ra to tiếng, đánh nhau làm cho tình cảm vợ chồng rạn nứt cuộc sống trở lên căng thẳng mệt mỏi luôn gây áp lực cho nhau. Anh chị không còn sự quan tâm dành tình cảm cho nhau, vì nghĩ đến các con nên chị nhẫn nhịn chịu đựng không muốn làm ảnh hưởng đến việc học tập của các con. Do cuộc sống anh chị không đem lại hạnh phúc chị đã nhiều lần làm đơn ly hôn với anh tại Tòa án, sau đó chị rút đơn về đoàn tụ và cho anh G cơ hội thay đổi tính cách nhưng chỉ được một thời gian ngắn mâu thuẫn anh chị tiếp tục xảy ra. Mâu thuẫn căng thẳng xảy ra vào ngày 06/01/2021 khi chị về thăm bố mẹ đẻ, anh G ở nhà đã đốt hết quần áo của chị, cấm không cho chị về và dọa về nhà sẽ đánh chết nên chị đã không dám về mà ở lại nhà bố mẹ đẻ chị từ đó. Nay chị xác định không còn tình cảm, hôn nhân không có hạnh phúc, cố níu kéo cũng chỉ làm thêm cả hai căng thẳng mệt mỏi, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không có biện pháp gì để hàn gắn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Lưu Văn G.

Về quan hệ con chung: Chị xác định vợ chồng có hai con chung là Lưu Thị Yến V1, sinh ngày 26/5/2008 và Lưu Thị Yến V2, sinh ngày 24/7/2010. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lưu Thị Yến V1 cho đến khi thành niên và nhất trí để anh G trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lưu Thị Yến V2 cho đến khi thành niên. Chị và anh G không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Hiện nay chị làm công nhân tại Công ty Sumidenso - Khu công nghiệp Đại An, thu nhập ổn định mức lương thực lĩnh là 10.000.000đồng/tháng, anh G lái xe taxi thu nhập khoảng 5.000.000đồng đến 6.000.000đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Quá trình giải quyết vụ án:* Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập nhưng anh Lưu Văn G đều không có mặt tại Tòa án theo giấy triệu tập. Tòa án đã tiến hành làm các thủ tục niêm yết văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa cho anh G nhưng anh G đều không có mặt tại Tòa án. Tòa án tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương cũng như lấy lời khai của người thân trong gia đình anh G đều khẳng định: Tại thời điểm giải quyết ly hôn anh G có hộ khẩu và thường xuyên cư trú, sinh sống tại Thôn T, thị trấn L, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

*Tại biên bản lấy lời khai của cháu Lưu Thị Yến V1, cháu Lưu Thị Yến V2 trình bày:* Trong cuộc sống bố mẹ có xảy ra mâu thuẫn. Hiện tại bố mẹ không sống cùng nhau mà đã sống ly thân mỗi người một nơi, không còn sự quan tâm với nhau. Nếu Tòa án giải quyết cho bố mẹ ly hôn thì cháu V1 có nguyện vọng muốn được ở cùng mẹ. Cháu V2 có nguyện vọng muốn được ở cùng với cả bố và mẹ.

*Đại diện gia đình chị Nguyễn Thị H trình bày:* Chị H và anh G được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống anh chị nhiều lần xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh G không tin tưởng chị H, luôn nghi ngờ nhau về tình cảm nên dẫn đến không tìm được tiếng nói chung thường xuyên cãi nhau. Anh G là người nóng tính, gia trưởng mỗi khi anh chị xảy ra cãi nhau thì anh thường có những lời nói xúc phạm, thậm chí đánh chị H và các con. Gia đình cũng đã hoà giải, hàn gắn nhưng mâu thuẫn của anh chị không được giải quyết, cuộc sống không đem lại hạnh phúc. Từ khi chị H về nhà bố mẹ đẻ sinh sống không thấy anh G sang tìm đón, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn với anh G. Về con chung, đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

*Đại diện gia đình anh Lưu Văn G trình bày:* Anh G và chị H được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L theo đúng quy định của pháp luật. Mâu thuẫn của anh chị như thế nào thì gia đình không biết, nhiều lần chị H làm đơn ly hôn anh G tại Tòa án sau đó lại rút đơn về đoàn tụ. Tháng 01 năm 2021, chị H không chung sống cùng anh G mà chuyển về nhà bố mẹ đẻ chị H sinh sống, gia đình cũng không thấy anh G sang tìm đón chị H về đoàn tụ. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Về con chung, đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

*Tòa án tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương cung cấp:* Anh Lưu Văn G và chị Nguyễn Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L vào năm 2008 là hôn nhân hợp pháp, anh chị đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn T, thị trấn L, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Qua nắm bắt thực tế tại địa phương thì thấy quá trình chung sống anh chị có nảy sinh mâu thuẫn. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

**Tại phiên tòa:** Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện được ly hôn anh Lưu Văn G và giải quyết về con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện không đầy đủ quyền và nghĩa vụ “phải có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án” vi phạm khoản 16 theo Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị:

- + Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Lưu Văn G.
- + Về quan hệ con chung: Giao con chung là Lưu Thị Yến V1, sinh ngày 26/5/2008 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi thành niên. Giao con chung Lưu Thị Yến V2, sinh ngày 24/7/2010 cho anh Lưu Văn G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.
- + Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- *Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết*: Chị Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương giải quyết ly hôn với anh Lưu Văn G, đồng thời giải quyết về con chung của vợ chồng khi ly hôn. Đây là những tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Lưu Văn G là bị đơn đăng ký hộ khẩu và hiện đang sinh sống cư trú tại Thôn T, thị trấn L, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng.

- *Người tham gia tố tụng*: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành các biện pháp để thu thập chứng cứ, triệu tập hợp lệ bị đơn anh Lưu Văn G, làm thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh G đều vắng mặt không có lý do và không có ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh G.

[2]. Về nội dung vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị H và anh Lưu Văn G kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương vào ngày 07/01/2008 là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nghi ngờ nhau về tình cảm dẫn đến anh chị thường xuyên xảy ra cãi nhau làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình. Trong cuộc sống đối xử với nhau lạnh nhạt, không có sự quan tâm, chia sẻ, yêu thương nhau. Anh chị sống ly thân mỗi người một nơi không ai quan tâm đến cuộc sống của ai và không có biện pháp gì để hàn gắn, níu kéo tình cảm vợ chồng. Lời trình bày về mâu thuẫn vợ chồng của chị H phù hợp với lời trình bày của đại diện hai bên gia đình. Tòa án đã nhiều lần triệu tập báo gọi anh Lưu Văn G có mặt tại Tòa án để viết bản tự khai, lấy lời khai và tiến hành hòa giải nhưng anh G đều vắng mặt, điều đó khẳng định anh G không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau. Hội đồng xét xử nhận thấy hôn nhân giữa chị H và anh G đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56

Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận giải quyết cho chị H được ly hôn anh G.

- *Về quan hệ con chung*: Anh G và chị H có hai con chung là Lưu Thị Yến V1, sinh ngày 26/5/2008 và Lưu Thị Yến V2, sinh ngày 24/7/2010. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Lưu Thị Yến V1 đến khi thành niên, nhất trí để anh G trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lưu Thị Yến V2. Chị H không yêu cầu anh G phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hội đồng xét xử xem xét các điều kiện đảm bảo cho việc nuôi dưỡng con cả về vật chất lẫn tinh thần thì thấy anh chị đều có thu nhập, chỗ ở ổn định, có điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con như nhau nên Hội đồng xét xử thấy cần giao con Lưu Thị Yến V1 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đến khi thành niên, giao con Lưu Thị Yến V2 cho anh Lưu Văn G trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đến khi thành niên là đảm bảo tính ổn định, đảm bảo mọi mặt về quyền lợi của con chung và phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- *Về tài sản chung, nợ chung, công sức*: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Lưu Văn G.

[2]. Về quan hệ con chung: Sau khi ly hôn, giao con chung là Lưu Thị Yến V1, sinh ngày 26/5/2008 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Giao con chung là Lưu Thị Yến V2, sinh ngày 24/7/2010 cho anh Lưu Văn G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh G phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị.

*Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở và không được lạm dụng việc thăm nom để*

*cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con.*

[3]. Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000đồng theo biên lai số AA/2018/0000310 ngày 12/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Chị Nguyễn Thị H đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí sơ thẩm ly hôn.

[5]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhân:**

- Dương sự;
- VKSND huyện Cẩm Giàng;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Giàng;
- UBND thị trấn L, huyện Cẩm Giàng (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Vân Hà**